

XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG KHU VỰC NÔNG THÔN MỚI

PGS.TS Bùi Ngọc¹; ThS. Trần Xuân Khang²; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang³

Tóm tắt: Bằng những phương pháp nghiên cứu thường quy, bài báo xác định các cơ sở khoa học để xây dựng và kiểm nghiệm mức độ phù hợp về nội dung và tính khả thi của mô hình trong thực tiễn phát triển Thể dục thể thao quần chúng các xã khu vực nông thôn mới ở các vùng kinh tế xã hội khác nhau, từ đó làm cơ sở ứng dụng mô hình, đề xuất chính sách, giải pháp phát triển Thể dục thể thao nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần cho người dân, phục vụ công cuộc xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước.

Từ khóa: Mô hình; Thể dục thể thao; Thể dục thể thao quần chúng, nông thôn mới

Abstract: By conventional research methods, the article identifies the scientific bases for building and testing the relevance of the content and feasibility of the model in the practice of sport development. the masses of communes in new rural areas in different socio-economic regions, thereby serving as a basis for model application, proposing policies and solutions to develop physical training and sports to improve physical fitness and cultural life. spiritualize the people, serving the Party and State's new rural construction.

Keywords: Model; Sports; Mass sport, new countryside

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2198/2010/NQ-CP, ngày 03/12/2010 về Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đây là chương trình mang tính tổng hợp, sâu, rộng, có nội dung toàn diện; bao gồm tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, an ninh - quốc phòng. Thể dục thể thao (TDTT) là một lĩnh vực hoạt động thuộc văn hoá xã hội, vì vậy cần thiết có giải pháp hữu hiệu góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững để từng bước nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và sức khỏe của người dân ở khu vực nông thôn.

Cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới, phong trào TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới đã có bước phát triển và tiến bộ rõ rệt; Nhu cầu tập luyện TDTT của nhân dân từ thiếu niên, nhi đồng đến người cao tuổi, tỷ lệ gia đình thể thao hàng năm đều tăng. Song phong trào TDTT nông thôn chưa sâu rộng, thiếu bền vững, còn nặng về các hoạt động bề nổi. Sự hiểu biết về sức khỏe và lợi ích của TDTT của người dân còn thấp ... Đặc biệt mô hình phát triển TDTT ở nhiều nơi còn thiếu hiệu quả.

Mô hình là điều kiện để đảm bảo tính bền vững, nghĩa là phát triển kinh tế phải quan tâm tới sức khỏe người dân, bảo vệ môi trường, không làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên. Vì

vậy, phải xây dựng mô hình TDTT quần chúng ở nông thôn mới đáp ứng các nhu cầu đích thực của người dân và mang lại sức khỏe, tinh thần, thu nhập cho họ. Đồng thời cần có các giải pháp tiến bộ, tăng cường hoạt động TDTT của người dân, phát triển các loại hình TDTT mới, thu hút nguồn đầu tư TDTT từ đó chuyển đổi phương thức TDTT tự nguyện sang phương thức tích cực. Đây là vấn đề cấp thiết mang ý nghĩa khoa học và cứu thực tiễn.

Quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn tọa đàm; mô hình hóa cấu trúc; toán thống kê

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở khoa học để xây dựng mô hình phát triển TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới

2.1.1. Các cơ sở để xây dựng mô hình TDTT quần chúng cấp xã

Cơ sở pháp lý về tổ chức chính quyền địa phương (theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương theo số 77/2015/QH13 của Quốc hội); Cơ sở lý luận về quản lý TDTT quần chúng, mô hình TDTT quần chúng và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của TDTT quần chúng; Những kinh nghiệm về mô hình TDTT quần chúng ở các nước trên thế giới và thực trạng công tác TDTT quần chúng ở các địa phương ở Việt Nam.

1. Viện Khoa học TDTT
2. Học viện An ninh nhân dân
3. Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

2.1.2. Các nguyên tắc xây dựng mô hình TDTT quần chúng cấp xã

Nguyên tắc tính thực tiễn (các mô hình phải xuất phát từ thực tiễn của địa phương); Nguyên tắc tính đồng bộ (các mô hình phải giải quyết các vấn đề của thực tiễn); Nguyên tắc tính khả thi (các mô hình phải có khả năng thực thi); Nguyên tắc bảo đảm tính khoa học (các mô hình phải mang tính khoa học và giải quyết vấn đề có tính khoa học).

2.1.3. Đặc trưng và yêu cầu xây dựng mô hình TDTT quần chúng ở nông thôn

Mô hình TDTT quần chúng ở nông thôn mới nhằm chứng minh lợi ích và tính khả thi của tổ chức hoạt động TDTT, đồng thời trình bày cơ cấu tổ chức, chức năng của các thành phần trong cấu trúc mô hình và các bước áp dụng triển khai mô hình đó là trong thực tiễn hoạt động TDTT cho người dân.

Mô hình phải có chủ thể tổ chức hoạt động (Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã

hội, tổ chức xã hội...), có đối tượng tham gia (cán bộ quản lý, người dân, doanh nghiệp...), có các tổ chức liên quan đến hoạt động TDTT; Mô hình quy định sẵn chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận. Đặc biệt phải có các cơ chế chính sách, hoạt động TDTT.

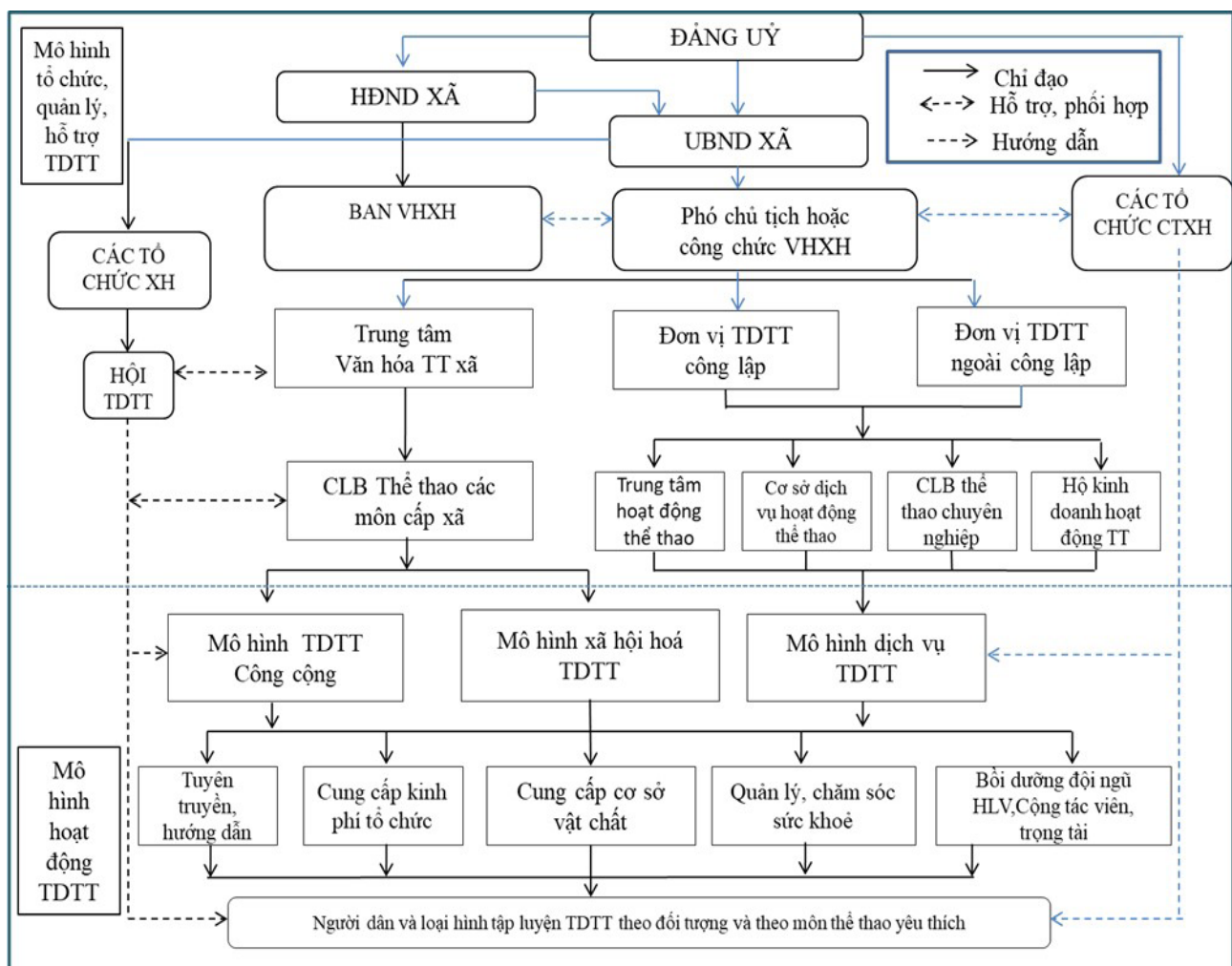
Mô hình là hình mẫu tối ưu cho các giải pháp phải có tính hiệu quả phát triển TDTT, huy động được nhiều cơ quan đoàn thể, các tổ chức xã hội và người dân tham gia, nâng cao chất lượng cuộc sống về sức khỏe, thu nhập, văn hóa tinh thần của người dân.

2.2. Xây dựng và kiểm nghiệm lí thuyết mô hình phát triển TDTT quần chúng ở khu vực nông thôn mới

2.1. Xây dựng mô hình TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới

Chúng tôi sử dụng phương pháp mô hình hóa cấu trúc các mối quan hệ giữa các tổ chức và các loại hình hoạt động TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới, kết quả đã xây dựng được mô

Sơ đồ 1. Mô hình phát triển TDTT quần chúng ở khu vực nông thôn mới



hình sau (xem sơ đồ 1)

Mô hình phát triển TDTT quần chúng ở nông thôn mới bao gồm hai mô hình cơ bản là mô hình về tổ chức bộ máy quản lý, điều hành và hỗ trợ công tác TDTT và mô hình hoạt động TDTT.

1) Mô hình về tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành và hỗ trợ công tác TDTT

Gồm 3 nhân tố chính: Cơ quan quản lý TDTT cấp xã, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức xã hội.

Mục đích phải quản lý được hoạt động TDTT, vận động được nhiều người dân tham gia thông qua các giải pháp tuyên truyền, vận động, tổ chức được nhiều hoạt động TDTT như các giải đấu thể thao, xây dựng các môn thể thao mà người dân yêu thích tập luyện.

Vai trò trách nhiệm của cơ quan quản lý TDTT cấp xã:

UBND Cấp xã là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động TDTT ở các địa phương. UBND xã giao cho Phó chủ tịch Văn hóa xã hội (hoặc công chức văn hóa xã hội) có nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân tham gia các hoạt động TDTT thông qua trang bị các kiến thức về luật TDTT, đường lối chính sách TDTT, các thông tư hướng dẫn, chương trình, kế hoạch hành động cho người dân thông qua các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn.

UBND cấp xã thông qua Phó chủ tịch văn hóa xã hội xã (hoặc công chức văn hóa xã hội) tham mưu sẽ ban hành các quyết định tổ chức thành lập các câu lạc bộ TDTT cấp xã, hướng dẫn tổ chức các CLB trên địa bàn xã. Quản lý và cấp ngân sách cho hoạt động TDTT. Phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội, các CLB TDTT trên địa bàn xã huy động các nguồn ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động TDTT...

UBND xã xây dựng quy hoạch, quản lý các công trình TDTT cũng như các cơ sở vật chất phục vụ cho công tác TDTT.

Chức năng, nhiệm vụ của Phó chủ tịch văn hóa xã hội xã (hoặc công chức văn hóa xã hội) trực tiếp tổ chức, quản lý các hoạt động TDTT xã, quản lý các môn thể thao, các thiết chế TDTT cấp xã (Trung tâm Văn hoá Thể thao, nhà văn hoá xã), quản lý cơ sở vật chất (các công trình TDTT có mái che, không có mái che và quy hoạch sử dụng đất cho hoạt động TDTT), kinh phí hoạt động, nhân lực hoạt động TDTT, quản lý các tổ

chức hoạt động TDTT; Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội và đơn vị có liên quan thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia các hoạt động TDTT

Vai trò trách nhiệm của các tổ chức chính trị xã hội cấp xã

Các tổ chức chính trị xã hội cấp xã bao gồm: Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội người cao tuổi, Hội nông dân... thực hiện công tác hỗ trợ cho hoạt động TDTT quần chúng thông qua các hình thức tổ chức, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân.

Vai trò của tổ chức xã hội:

Thành lập Hội TDTT là tổ chức xã hội giúp cho việc tổ chức, tuyên truyền những chủ trương đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về công tác TDTT cũng như lợi ích, tác dụng của hoạt động TDTT và các phương pháp tập luyện TDTT cho người dân, vận động được đông đảo quần chúng tham gia, đồng thời thường niên tổ chức các hoạt động TDTT góp phần làm phong phú đời sống của nhân dân khu vực nông thôn mới.

Cách thức thực hiện mô hình:

Tiếp tục thực hiện các mô hình quản lý TDTT trước đây. Song để đảm bảo hiệu quả công tác TDTT, các cơ quan quản lý TDTT cấp xã cần tổ chức bộ máy hoạt động TDTT cấp xã đặc biệt sát nhập Trung tâm Văn hoá thể thao xã và nhà văn hoá xã, khu thể thao thôn để trở thành Trung tâm Văn hoá thể thao xã. Thành lập Hội TDTT để nâng cao hiệu quả tuyên truyền hướng dẫn công tác TDTT. Đẩy mạnh, khuyến khích của các tổ chức, cá nhân ngoài công lập như doanh nghiệp, tổ chức các mô hình hoạt động TDTT phù hợp với đặc điểm của địa phương.

2) Mô hình hoạt động TDTT

Mô hình TDTT công cộng

Mục đích nhằm thúc đẩy, hỗ trợ công tác TDTT ở địa phương, thúc đẩy nhân dân tham gia tập luyện TDTT ở địa phương, đặc biệt những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, nhà nước phải bao cấp, xây dựng cơ sở vật chất TDTT, hỗ trợ về đội ngũ hướng dẫn viên, trọng tài, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng TDTT cho người dân...

Hình thức tổ chức hoạt động: UBND các xã trang bị, lắp đặt hoặc liên kết, xã hội hoá để xây dựng, lắp đặt các công trình TDTT trong và ngoài

trời, tăng cường các cơ sở vật chất cho các thiết chế TDTT để tạo điều kiện cho người dân tham gia hoạt động TDTT.

Mô hình TDTT công cộng cung ứng các điều kiện hoạt động TDTT và thúc đẩy người dân tham gia hoạt động TDTT. Đây là mô hình đang có xu hướng mới ở khu vực thành thị và nông thôn, dù khu vực nông thôn ở nước ta chưa phát triển mạnh (do điều kiện kinh tế còn thấp). Trong những năm qua các xã ở khu vực nông thôn mới do điều kiện kinh tế, văn hoá, giao thông, cơ sở hạ tầng ngày một phát triển, đời sống và dân trí ở các xã nông thôn mới được nâng cao, đây là hướng đi đúng trong xây dựng và phát triển phong trào TDTT. Mô hình này phù hợp với những vùng có điều kiện kinh tế, giao thông khó khăn, cơ sở vật chất TDTT nghèo nàn, trình độ tổ chức hoạt động TDTT của cộng tác viên còn yếu, nhận thức và nhu cầu của người dân chưa cao.... Do đó cần có sự quan tâm đặc biệt của cơ quan quản lý TDTT cấp trên.

Mô hình xã hội hoá TDTT

Xã hội hoá TDTT là quá trình chuyển đổi trong lĩnh vực tham gia, quản lý và hoạt động TDTT: từ phương thức nhà nước hoàn toàn làm TDTT sang phương thức Nhà nước kết hợp với xã hội cùng làm, tiến tới mô hình xã hội làm TDTT là chính, Nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng chỉ đạo, kiểm soát, ban hành chính sách. Xây dựng và phát triển các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về TDTT sẽ thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, phát huy được các nguồn lực và khả năng sáng tạo của nhân dân trong phát triển sự nghiệp TDTT đất nước.

Trên cơ sở đó chúng tôi đề xuất mô hình dịch vụ TDTT như sau:

Mục đích của mô hình: Tăng cường và nâng cao tổ chức hoạt động TDTT đáp ứng nhu cầu của nhân dân ở khu vực nông thôn.

Chủ thể của mô hình: Là đơn vị TDTT công lập và đơn vị TDTT ngoài công lập: cung cấp các hoạt động dịch vụ TDTT. Đơn vị quản lý, giám sát là UBND xã - chịu trách nhiệm quản lý, giám sát các hoạt động TDTT của các cơ sở TDTT dịch vụ.

Đối tượng thụ hưởng là người dân sử dụng các dịch vụ TDTT của tư nhân.

Để phát triển loại hình dịch vụ này, ngoài việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách khuyến khích tạo điều kiện cho các

tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho các hoạt động TDTT, Nhà nước cần có những hướng dẫn cụ thể thông qua việc ban hành các chính sách, chế độ khuyến khích đối với tư nhân trong việc đầu tư trên các lĩnh vực xây dựng: cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài trợ, bảo trợ các đội tuyển thể thao và đào tạo tài năng thể thao một cách phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó không ngừng vận động các doanh nghiệp xây dựng các cơ sở TDTT bán công, dân lập, tư nhân hoạt động theo hình thức kinh doanh dịch vụ, cho phép liên doanh với các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp xây dựng các cơ sở thể thao giải trí quy mô lớn để vừa phục vụ, vừa kinh doanh.. Có như vậy, tiềm năng và nguồn lực của xã hội sẽ được khơi dậy mạnh mẽ, góp phần phát triển các phong trào TDTT, đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục, giữ gìn sức khỏe cho nhân dân.

2.2. Kiểm nghiệm lý thuyết mô hình TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới

Xác định mức độ phù hợp của mô hình TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới

Chúng tôi tiến hành hội thảo và phỏng vấn bằng phiếu hỏi 50 chuyên gia, các nhà khoa học, các giảng viên trường Đại học TDTT Bắc Ninh...qua hai lần phỏng vấn để xác định chỉ số Wilcoxon (xem bảng 1)

Về mức độ phù hợp của nội dung mô hình hoạt động TDTT quần chúng các ý kiến của các chuyên gia đều cho thấy có từ 86.00 (phỏng vấn lần 1) đến 87.73% (phỏng vấn lần 2) đồng ý mô hình hoạt động TDTT quần chúng có mức độ phù hợp nội dung. Kết quả tính toán trên phần mềm SPSS thu được giá trị $|z|$. Nếu giá trị này nhỏ hơn mức ý nghĩa 5%, thì sẽ thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa, ngược lại kết quả sẽ không có sự khác biệt giữa 2 lần phỏng vấn. Như vậy, kết quả thu được qua 2 lần phỏng vấn cho thấy các ý kiến của các chuyên gia tương đối đồng nhất lựa chọn ở cả 2 lần phỏng vấn.

Xác định tính khả thi của mô hình áp dụng vào thực tiễn của địa phương

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn 215 cán bộ phụ trách văn xã khu vực nông thôn mới ở các tỉnh được khảo sát thuộc 7 vùng kinh tế nông thôn theo các mức độ ưu tiên ở 4 mức đánh giá như sau: Mức 1: Rất khả thi (3 điểm); Mức 2: khả thi (2 điểm); Mức 3: Bình thường (1 điểm); Mức 4: Không khả thi (0 điểm). Kết quả xem bảng 2.

Kết quả xác định tính khả thi của mô hình về

Bảng 1. Kết quả xác định mức độ phù hợp về nội dung của các mô hình

TT	Các mô hình	Lần phỏng vấn	Số người lựa chọn				Tổng điểm	%	Chỉ số Wilcoxon (Z)	p
			Rất phù hợp (3 điểm)	Phù hợp (2 điểm)	Bình thường (1 điểm)	Không phù hợp (0 điểm)				
1	Mô hình về tổ chức, bộ máy quản lí, điều hành công tác TDTT	Lần 1	45	3	2	0	143	95.33	0.0406	.0260
		Lần 2	44	4	2	0	142	94.67		
2	Mô hình hoạt động TDTT quần chúng	Lần 1	36	8	6	0	130	86.00	0.0412	.0240
		Lần 2	37	7	6	0	131	87.33		

Bảng 2. Xác định tính khả thi của các mô hình TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới ở các tỉnh

Khu vực	Tỉnh	Số xã	Mô hình tổ chức quản lí TDTT			Mô hình hoạt động TDTT quần chúng								
						Mô hình xã hội hoá TDTT			Mô hình dịch vụ TDTT			Mô hình TDTT công cộng		
			Tổng điểm	%	Xếp hạng	Tổng điểm	%	Xếp hạng	Tổng điểm	%	Xếp hạng	Tổng điểm	%	Xếp hạng
Trung du, miền núi phía Bắc	Hà Giang	20	54	90.00	9	47	78.33	10	43	71.67	10	57	95.00	3
	Lào Cai	20	55	91.67	5	51	85.00	5	45	75.00	7	59	98.33	1
	Bắc Giang	25	67	89.33	10	62	82.67	8	61	81.33	5	71	94.67	5
Đồng bằng sông Hồng	Bắc Ninh	25	68	90.67	8	65	86.67	4	61	81.33	5	68	90.67	9
	Ninh Bình	25	69	92.00	4	71	94.67	1	63	84.00	3	67	89.33	10
Bắc Trung Bộ	Thanh Hóa	20	56	93.33	2	54	90.00	2	52	86.67	2	58	96.67	2
Đông Nam Bộ	Bình Phước	20	55	91.67	5	50	83.33	7	45	75.00	7	56	93.33	6
Duyên hải Nam Trung Bộ	Khánh Hoà	20	56	93.33	2	51	85.00	5	50	83.33	4	55	91.67	7
Tây Nguyên	Lâm Đồng	20	55	91.67	5	49	81.67	9	45	75.00	7	55	91.67	7
Đồng bằng sông Cửu Long	Cần Thơ	20	57	95.00	1	54	90.00	2	54	90.00	1	57	95.00	3
Tổng		215	592	91.78			85.89		519	80.47		603	93.49	

tổ chức, bộ máy quản lí, điều hành và hỗ trợ công tác TDTT

Tổng số các xã đánh giá lựa chọn mô hình về tổ chức, bộ máy quản lí, điều hành và hỗ trợ công tác TDTT mà chúng tôi xây dựng có tính khả thi là 176 xã, 25 xã lựa chọn tính khả thi, 14 xã lựa chọn mô hình ở mức bình thường và không có xã nào lựa chọn mô hình không có tính

khả thi, từ đó đạt tổng điểm 592 trên tổng số 645 điểm, chiếm tỉ lệ 91.78%. Kết quả này cho thấy mô hình mà chúng tôi xây dựng là có tính khả thi rất cao. Ngoài ra đa số các tỉnh ở 7 khu vực kinh tế nông thôn đều có tỉ lệ% lựa chọn mô hình về tổ chức, bộ máy quản lí, điều hành và hỗ trợ công tác TDTT ở mức độ trên 90% (Hà Giang) đến 95% (Cần Thơ).

Kết quả xác định tính khả thi của mô hình hoạt động TDTT

Tính khả thi của mô hình xã hội hoá TDTT

Kết quả này cho thấy mô hình mà chúng tôi xây dựng có tính khả thi khá cao. Các tỉnh ở 7 khu vực kinh tế nông thôn đều có tỉ lệ% lựa chọn mô hình Xã hội hoá TDTT ở mức độ thấp nhất từ 78.33% (Hà Giang) đến 94.67% (Ninh Bình). Như vậy có thể thấy những vùng kinh tế, điều kiện giao thông hạn chế việc ứng dụng mô hình phải phù hợp với đặc điểm của từng tỉnh.

Tính khả thi của mô hình dịch vụ TDTT

Kết quả này cho thấy 4 tỉnh có tỉ lệ % cao nhất về tính khả thi đối với Mô hình dịch vụ TDTT lần lượt là Cần Thơ 90%, Thanh Hoá 86.67%, Ninh Bình 84%, Khánh Hoà 83.33% và 4 tỉnh có tỉ lệ % tính khả thi thấp nhất là Bình Phước 75%, Lào Cai 75%, Lâm Đồng 75%, Hà Giang 71.67% và 2 tỉnh nằm ở vị trí giữa là Bắc Ninh 81.11%, Bắc Giang 81.33%. Như vậy đa số các xã thuộc các tỉnh ở 7 khu vực kinh tế nông thôn đều xác định tỉ lệ % tính khả thi là trên 70% về mô hình dịch vụ TDTT (ở mức độ thấp nhất từ 71.67% (Hà Giang) đến 90% (Cần Thơ). Có thể thấy những vùng nông thôn thuộc khu vực Trung du, miền núi phía Bắc (đặc biệt phía Tây Bắc), Tây Nguyên (Lâm Đồng) và Đông Nam Bộ (Bình Phước) là những vùng có điều kiện kinh tế kém phát triển hơn vùng đồng bằng sông Hồng, Sông Cửu Long cũng như những điều kiện về giao thông hạn chế sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức ứng dụng mô hình dịch vụ TDTT.

Tính khả thi của mô hình TDTT công cộng

Tổng số các xã đánh giá Mô hình TDTT công cộng mà chúng tôi xây dựng có tính rất khả thi là 184 xã, 21 xã lựa chọn tính khả thi, 9 xã lựa chọn mô hình ở mức bình thường và 1 xã lựa chọn mô hình không có tính khả thi, từ đó đạt tổng điểm 603 trên tổng số 645 điểm, chiếm tỉ lệ 93.49%. Kết quả này cho thấy mô hình mà chúng tôi xây dựng là rất cao. 4 tỉnh có tỉ lệ % cao nhất (từ hạng 1-4) về tính khả thi đối với mô hình TDTT công cộng lần lượt là Lào Cai 98.33%, Thanh Hoá 96.67%, Hà Giang 95%, Cần Thơ 95% và 4 tỉnh có tỉ lệ % tính khả thi thấp nhất so với các tỉnh (từ hạng 7-10) là, Ninh Bình 89.33%, Bắc Ninh 90.67%, Lâm Đồng 91.67%, Khánh Hoà 91.67% và còn lại 2 tỉnh nằm ở vị trí giữa (hạng 5-6) là Bắc Giang 94.67%, Bình Phước 93.33%. Như vậy đa số các xã thuộc các tỉnh ở 7 khu vực

kinh tế nông thôn đều xác định tỉ lệ % tính khả thi là trên 89% về mô hình TDTT công cộng (ở mức độ thấp nhất từ 89.33% (Ninh Bình) đến 98.33% (Lào Cai).

3. KẾT LUẬN

Trên cơ sở khoa học và bằng những phương pháp nghiên cứu thường quy, chúng tôi đã xây dựng được mô hình và kiểm nghiệm lý thuyết mô hình để phát triển TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới. Kết quả trên cho thấy mô hình phát triển TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới có tính khả thi cao, hầu hết đều được các địa phương của tỉnh thuộc 7 vùng kinh tế khác nhau lựa chọn để ứng dụng vào thực tiễn phát triển TDTT quần chúng. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tùy thuộc vào đặc điểm kinh tế, văn hoá, chính trị của từng vùng, từng tỉnh, từng địa phương để mà áp dụng mô hình phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thanh Cẩm (2015), *Nghiên cứu phát triển TDTT quần chúng ở nông thôn đồng bằng sông hồng*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT
 2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), Nghị quyết 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”.
 3. Bộ Chính trị (2011), Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020*”.
 4. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn Kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 5. Bùi Ngọc (2019), *Mô hình TDTT quần chúng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ (nghiệm thu 2019) thuộc chương trình thuộc Chương trình đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch – “Nghiên cứu TDTT quần chúng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”.
- Nguồn bài báo:** Bài báo là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “*Mô hình TDTT quần chúng gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới*” (nghiệm thu năm 2019) thuộc Chương trình đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Nghiên cứu TDTT quần chúng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.
- Ngày nhận bài:** 17/2/2022; **Ngày duyệt đăng:** 26/3/2022